TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HÒA** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2023
V/v yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Phúc

2. Ông Nông Vĩnh Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nông Thị R; sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Văn Dự - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Nông Văn L; sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Triệu Bằng Giang - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C, người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc ủy quyền cho Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án). Người được ủy quyền lại: Bà Đặng Thị Ngọc L – Phó Giám đốc phòng giao

dịch Ngân hàng C huyện Quảng Hòa (theo Quyết định số 43/QĐ-NHCS ngày 10/3/2023 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2023, các bản tự khai ngày 14/3/2023, ngày 29/5/2023 và biên bản hòa giải ngày 29/5/2023 nguyên đơn Nông Thị R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn L kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng vào ngày 03/6/2011.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến ngày 31/12/2012 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác nên thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh L có 02 con chung tên là Nông Thanh T, sinh ngày 16/4/2011 và Nông Thị Thu H, sinh ngày 20/11/2012 hiện nay đang sống với chị tại nhà của ông Lâm Văn K là bố của chị ở xóm T, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn chị sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thị Thu H, còn anh L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thanh T nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tính đến ngày 29/5/2023 chị và anh L còn nợ ngân hàng C huyện Q số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Khi ly hôn chị và anh L mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ số nợ và lãi phát sinh.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 29/5/2023 bị đơn Nông Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L xác nhận về điều kiện kết hôn đúng như chị R đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Thời gian chung sống có cãi nhau vài lần, nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị R có quan hệ ngoại tình với người khác, có lần chị R bỏ về nhà bố mẹ đẻ nên anh đã chạy theo để xin phép đón chị R về chứ không có việc anh đánh chị R. Chị R đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 2/2023 đến nay, anh và anh em họ hàng đã đến hòa giải nhưng không thành. Anh xác định tình cảm vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn và mong muốn được đoàn tụ cùng chị R.

Về con chung: Anh xác nhận có 02 con chung như chị R trình bày, nhưng anh không muốn ly hôn với chị R nên không trình bày về phần nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tính đến ngày 29/5/2023 anh và chị R còn nợ ngân hàng C huyện Q số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Hai vợ chồng sẽ cùng có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

Ngày 10/5/2023 Ngân hàng C chi nhánh huyện Q, tỉnh Cao Bằng có yêu cầu độc lập: Đề nghị Tòa án ghi nhận trong Bản án hoặc Quyết định của Tòa án về thỏa thuận của anh Nông Văn L và chị Nông Thị R đối với số tiền vay tại Ngân hàng tính đến ngày 11/4/2023 tổng số tiền còn nợ là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) theo hợp đồng tín dụng (mã món vay) số 6600000712868439 ngày 23/5/2018, hạn trả nợ ngày 11/6/2023. Trường hợp anh L và chị R không thỏa thuận được về phương án trả nợ sau ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày 29/5/2023 số nợ còn lại là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C phòng giao dịch huyện Q đã có đơn đề nghị rút yêu cầu độc lập, với lý do anh Nông Văn L và chị Nông Thị R đã tất toán toàn bộ số nợ và lãi phát sinh đối với hợp đồng tín dụng số 6600000712868439 ngày 23/5/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn của vợ chồng, kết quả như sau: Ông Nông Văn Đ là bố của anh Nông Văn L xác nhận việc vợ chồng anh L, chị R thỉnh thoảng cãi nhau, còn việc anh L có đánh chị R hay không thì ông không biết; ông Lâm Văn K và bà Nông Thị D là bố mẹ của chị Nông Thị R xác nhận nguyên nhân chị R xin ly hôn với anh L là do hai vợ chồng hay cãi nhau, anh L thường đánh đập chị R, có lần đuổi đánh đến nhà ông, bà. Chị R đã bỏ về nhà bố mẹ nhiều lần, lần gần nhất là vào khoảng tháng 02/2023 đến nay.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Luận cứ bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn gửi đến Tòa án có nội dung: Chị R, anh L có những mâu thuẫn phát sinh từ lâu, anh L cũng thừa nhận có sự ghen tuông nhiều lần, hai anh chị không còn niềm tin với nhau, những mâu thuẫn này đã được bố mẹ hai bên biết và khuyên bảo nhưng không có thay đổi. Từ khi ly thân là ngày 04/01/2023 đến nay anh L, chị R đã không quan tâm, hỏi thăm nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Mặt khác anh L không đồng ý ly hôn nhưng không có một hành vi nào thể hiện mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Việc kéo dài cuộc hôn nhân chỉ làm trầm trọng thêm mâu thuẫn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị R.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị R vì cho rằng mâu thuẫn giữa chị R và anh L là nhỏ nhặt, tình trạng hôn nhân chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Trong thời gian chị R bỏ về nhà bố mẹ, anh L đã đến xin lỗi nhưng chị R không chấp nhận và bản thân anh L mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con chung. Trường hợp yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, đề

nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyện vọng của các con và hoàn cảnh của anh L đang đi làm xa, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung để giao cho chị Nông Thị R trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và anh L sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Quảng Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nông Thị R đề nghị được ly hôn với anh Nông Văn L do anh L nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác nên thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Bản thân anh L cũng thừa nhận có nghi ngờ chị R ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung, mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Nông Thị R được ly hôn với anh Nông Văn L. Về con chung giao các cháu Nông Thanh T và Nông Thị Thu H cho chị Nông Thị R trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh Nông Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

Chị Nông Thị R yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Nông Văn L có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án xác định nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nông Văn L và chị Nông Thị R kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Quang, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh L nghi ngờ chị R có quan hệ ngoại tình với người khác dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị R đã nhiều lần bỏ về nhà của bố mẹ đẻ.

Chị R cho rằng anh L thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn L. Tại buổi hòa giải ngày 29/5/2023, anh L cũng thừa nhận bản thân nghi ngờ chị R có quan hệ ngoại tình với người khác dẫn đến việc anh hay chửi bới chị R nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc chị R ngoại tình là vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng

theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nông Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, anh L chỉ đến Tòa án duy nhất một lần vào ngày 29/5/2023 và trình bày mong muốn được đoàn tụ với chị R. Tuy nhiên, từ khi chị R bỏ về nhà bố mẹ, anh L chỉ đến xin lỗi một lần sau đó cũng không đưa ra được biện pháp nào khác để thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa anh L có đơn xin xét xử vắng mặt là đã tự từ bỏ quyền của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh L nhiều lần vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị R.

[2.2]. Về con chung:

Chị Nông Thị R và anh Nông Văn L có 02 con chung tên là Nông Thanh T, sinh ngày 16/4/2011 và Nông Thị Thu H, sinh ngày 20/11/2012.

Sau khi ly hôn chị Nông Thị R có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Nông Thị Thu H còn anh Nông Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Thanh T, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Do anh Nông Văn L không muốn ly hôn nên đã từ chối khai về vấn đề con chung.

Xét thấy yêu cầu của chị Nông Thị R là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung:

Các đương sự thừa nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với nợ chung:

Trước khi xét xử anh Nông Văn L và chị Nông Thị R đã tất toán khoản nợ tại Ngân hàng C, do đó người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với vấn đề nợ chung.

[4]. Về án phí:

Chị Nông Thị R thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và về cơ bản là

phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận. Riêng với quan điểm giải quyết vấn đề con chung là chưa phù hợp với điều kiện thực tế nên không được chấp nhận vì chị R không có tài sản, hiện nay chỉ sống nhờ ở nhà của bố mẹ đẻ là không đảm bảo điều kiện sống cho cả hai con. Mặt khác, anh L không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên nên đủ điều kiện để thực hiện việc trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 244, 271, và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Thị R đối với bị đơn Nông Văn L

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị R được ly hôn với anh Nông Văn L.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị R trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thị Thu H, sinh ngày 20/11/2012 đến tuổi trưởng thành; giao cho anh Nông Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thanh T, sinh ngày 16/4/2011 đến tuổi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C đối với khoản nợ chung của chị Nông Thị R và anh Nông Văn L tại Ngân hàng C phòng giao dịch huyện Q, tỉnh Cao Bằng theo hợp đồng tín dụng số 6600000712868439 ngày 23/5/2018.

3. Về án phí:

Nguyên đơn Nông Thị R được miễn án phí nên được trả lại số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004723 ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hiền